



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒI KỸ NGHỆ QUE HÀN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 31

B-C  
TY  
HỮU H  
ĐỊNH  
NAM  
- TP

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Văn Cường	Chủ tịch
Ông Trịnh Anh Phong	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hào	Thành viên
Ông Đỗ Trọng Tín	Thành viên
Bà Cao Thị Thúy	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Phong	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỜI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

Địa chỉ: Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Phường 12 -

Quận 4 - T.P Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỜI KỸ NGHỆ QUE HÀN**



**Trịnh Anh Phong**

**Tổng Giám đốc**

*Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 07 năm 2017*

Số: 588-17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26/07/2017, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Phạm Ngọc Toàn**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>91.753.689.760</b>	<b>86.528.662.667</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.505.639.750</b>	<b>7.053.908.066</b>
1 Tiền	111	V.1.	6.505.639.750	7.053.908.066
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.131.992.376</b>	<b>53.284.876.129</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	51.133.609.287	47.268.775.840
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	2.498.386.586	2.347.997.101
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	5.291.977.175	5.356.507.992
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.791.980.672)	(1.688.404.804)
6 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>27.520.724.336</b>	<b>25.983.476.821</b>
1 Hàng tồn kho	141		27.520.724.336	25.983.476.821
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>595.333.298</b>	<b>206.401.651</b>
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		196.787.761	204.823.651
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	398.545.537	1.578.000
3 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>390.871.227.694</b>	<b>402.236.550.753</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.059.600.000</b>	<b>982.222.000</b>
1 Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	1.059.600.000	982.222.000
2 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>385.064.932.029</b>	<b>395.235.450.008</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	337.401.505.513	349.847.108.985
- Nguyên giá	222		600.477.173.029	599.344.255.398
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.075.667.516)	(249.497.146.413)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8.	22.470.317.595	19.845.594.384
- Nguyên giá	225		25.328.733.089	22.572.196.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.858.415.494)	(2.726.601.978)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	25.193.108.921	25.542.746.639
- Nguyên giá	228		31.703.828.206	31.703.828.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.510.719.285)	(6.161.081.567)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.7.</b>	<b>360.843.796</b>	<b>274.413.497</b>
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		360.843.796	274.413.497
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.385.851.869</b>	<b>5.744.465.248</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	4.385.851.869	5.744.465.248
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>482.624.917.454</b>	<b>488.765.213.420</b>

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>186.539.271.168</b>	<b>192.203.027.223</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.262.618.869</b>	<b>132.167.028.066</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	7.431.141.517	6.434.830.291
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	303.981.772	338.559.992
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	2.385.246.691	2.469.508.183
4 Phải trả người lao động	314		5.738.729.265	7.723.432.076
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	1.497.876.659	1.523.354.021
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	2.350.863.565	2.380.240.797
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	105.409.959.946	111.218.683.224
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		144.819.454	78.419.482
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.276.652.299</b>	<b>60.035.999.157</b>
1 Phải trả người bán dài hạn	331	V.13.	3.727.120.670	3.727.120.670
2 Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	16.333.787.437	17.076.000.287
3 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.	41.215.744.192	39.232.878.200
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>296.085.646.286</b>	<b>296.562.186.197</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18.	<b>296.085.646.286</b>	<b>296.562.186.197</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		293.500.000.000	293.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		293.500.000.000	293.500.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.585.646.286	3.062.186.197
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.301.186.197	199.658.653
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.284.460.089	2.862.527.544
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>482.624.917.454</b>	<b>488.765.213.420</b>

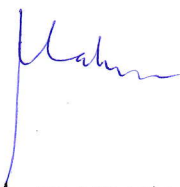
Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HƠI KỸ NGHỆ QUE HÀN

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Mai Thị Lý



Mai Tứ Phương



Trình Anh Phong

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)



Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	129.704.849.123	134.843.121.393
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		33.403.935	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		129.671.445.188	134.843.121.393
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	108.728.220.584	113.022.693.764
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.943.224.604	21.820.427.629
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	13.124.753	22.520.673
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	6.481.872.372	7.622.838.734
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.481.872.372	7.622.838.734
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7.	7.769.428.640	6.047.690.591
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	5.145.955.453	6.669.885.794
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.559.092.892	1.502.533.183
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	50.782.219	47.831.653
12 Chi phí khác	32	VI.6.	4.300.000	85.124.891
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		46.482.219	(37.293.238)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.605.575.111	1.465.239.945
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	321.115.022	321.272.967
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.284.460.089	1.143.966.978
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	43,76	38,98

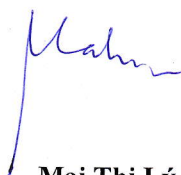
Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỜI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Mai Thị Lý



Mai Tứ Phương



Trịnh Anh Phong

Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.605.575.111	1.465.239.945
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và Bất động sản đầu tư	02		14.059.972.337	13.750.160.973
- Các khoản dự phòng	03		103.575.868	998.951.827
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.124.753)	(22.520.673)
- Chi phí lãi vay	06		6.481.872.372	7.622.838.734
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.237.870.935	23.814.670.806
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.020.034.225)	(4.931.734.370)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.537.247.515)	(4.118.795.821)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.670.851.514)	1.739.066.982
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.358.613.379	1.225.086.743
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.898.966.723)	(8.108.630.443)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(551.089.635)	(438.810.402)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		66.399.972	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>8.984.694.674</b>	<b>9.180.853.495</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(113.432.093)	(468.196.818)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.124.753	22.520.673
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(100.307.340)</b>	<b>(445.676.145)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		71.346.711.762	60.154.184.765
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(77.317.800.392)	(68.353.723.710)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.717.221.220)	(1.969.407.382)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.744.345.800)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.432.655.650)</b>	<b>(10.168.946.327)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(548.268.316)</b>	<b>(1.433.768.977)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.053.908.066</b>	<b>8.984.657.354</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>6.505.639.750</b>	<b>7.550.888.377</b>


Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2017

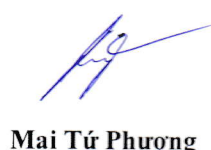
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒI KỸ NGHỆ QUE HÀN

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

  
Mai Thị Lý

  
Mai Tứ Phương



Trịnh Anh Phong

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hơi kỹ nghệ que hàn (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn, là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần kể từ ngày 28/01/2015, theo Quyết định số 441/QĐ-HCVN ngày 20/12/2013 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300422482 ngày 28/01/2015, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 26/08/2015 thì vốn điều lệ của Công ty là **293.500.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi ba tỷ, năm trăm triệu đồng)**. Trong đó Nhà nước chiếm 98,16%.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh sản xuất kinh doanh các loại khí công nghiệp và que hàn điện.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất hóa chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCo3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất que hàn điện (không sản xuất tại trụ sở).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn: Dịch vụ sửa chữa, kiểm tra các loại bình chứa khí công nghiệp
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt và cung cấp các thiết bị dây chuyền sử dụng khí công nghiệp; Lắp đặt và cung cấp các thiết bị sử dụng khí phục vụ y tế; Lắp đặt, bảo dưỡng, kiểm tra, sửa chữa hệ thống đường ống dẫn dùng trong phòng cháy chữa cháy.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Mua bán sản phẩm khí đốt hóa lỏng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán, vật tư phụ tùng phục vụ chuyên ngành khí công nghiệp và que hàn điện. Mua bán các loại khí công nghiệp, khí y tế, đất đèn, các loại bột nhẹ (CaCo3) và các loại sản phẩm chế biến từ đất đèn.
- Vận tải bốc xếp hàng hóa đường bộ.

Trụ sở Công ty tại: 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Phường 12 - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

**Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	XN Hơi kỹ nghệ Biên Hòa	KCN 1 Biên Hòa – Đồng Nai
2.	XN Hơi kỹ nghệ Cần Thơ	Đường trục chính, KCN Trà Nóc, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ
3.	XN Hơi kỹ nghệ Nha Trang	Số 58A đường 2/4 Phường Vĩnh Hải, Đồng Đế, Nha Trang
4.	XN Que hàn điện Khánh Hội	KCN Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
5.	XN Hơi kỹ nghệ Hải Phòng	Km9, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
6.	XN Hơi kỹ nghệ que hàn Bình Dương	KCN Đồng An, tỉnh Bình Dương
7.	XN Hơi kỹ nghệ Phan Rang	KCN Phước Nam, xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận
8.	Nhà máy Đất đèn và hóa chất Trảng Kênh	Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**2. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính*: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua-bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 30/06/2017, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư 147/2016/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
- Máy móc, thiết bị	05 – 25
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- TSCĐ khác	05

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất tại KCN Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, quyền sử dụng đất tại lô C4, đường số 1, KCN Nhứt Chánh, xã Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An và quyền sử dụng đất tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư 147/2016/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

*Loại tài sản cố định*

*Thời gian khấu hao (năm)*

Quyền sử dụng đất

49

**5.3 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Ngân hàng TMCP Á Châu, Công ty cho thuê tài chính Việt Nam, Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê từ 5 – 10 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí lắp hệ thống ống dẫn khí tại các bệnh viện, chi phí thiết kế nhà văn phòng công ty và chi phí sửa chữa nhà máy Trảng Kênh, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa được phân bổ trong thời gian 3 năm.

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí công trình Bệnh viện Việt Tiệp, chi phí thuê đất tại xí nghiệp Biên Hòa, chi phí hoa hồng phải trả, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá do công ty sản xuất, doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng bán và Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý phế liệu, được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, hóa đơn.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**15.1 Các nghĩa vụ về thuế**

**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất vào khu chế xuất, 10% đối với các lô hàng hàng khác.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ).

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>1.058.013.708</b>	<b>970.482.462</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>5.447.626.042</b>	<b>6.083.425.604</b>
Tiền gửi VND	5.447.626.042	6.083.425.604
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN. huyện Thủy Nguyên	138.593.591	56.704.672
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. 1	1.941.525.815	2.462.366.177
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. 4 TP.HCM	1.129.260	1.128.774
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. KCN. Biên Hòa	92.081.996	217.002.595
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Tây Đô	386.424.783	887.313.101
Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD. Ninh Kiều	199.014.252	97.502.575
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Khánh Hòa	229.375.143	582.906.908
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Phan Rang	1.010.117	1.007.595
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN. Nguyễn Văn Trỗi	821.372.903	428.172.349
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN. Tân Thuận	884.007	26.789.289
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. KCN. Bình Dương	1.075.511.714	424.533.297
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN. Hồng Bàng	178.432.347	642.279.605
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN. TP. Hồ Chí Minh	380.213.424	252.826.573
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN. Thủ Đức	2.056.690	2.892.094
<b>Cộng</b>	<b>6.505.639.750</b>	<b>7.053.908.066</b>

**2. Phải thu khách hàng**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thép An Hưng Tường	471.430.753	-	252.125.289	-
Công ty TNHH Sa Ki Bình Dương	209.466.675	-	344.262.463	-
Công ty TNHH NPC Nguyễn Phương	569.252.600	-	825.869.600	-
Công ty Cổ phần Beton 6	214.456.550	-	247.074.300	-
Công ty TNHH Công nghiệp toàn cầu Essons	165.661.650	-	195.737.850	-
Các đối tượng khác	49.503.341.059	1.791.980.672	45.403.706.338	1.688.404.804
<b>Cộng</b>	<b>51.133.609.287</b>	<b>1.791.980.672</b>	<b>47.268.775.840</b>	<b>1.688.404.804</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Thương mại kỹ thuật Việt Nam	776.355.800	776.355.800
Công ty CP Thương mại dịch vụ Tín Hòa	190.000.000	190.000.000
Công ty Công nghệ tài chính đầu giá Việt Nam	51.790.000	51.790.000

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

Công ty TNHH MTV Dịch vụ kỹ thuật và Công nghiệp Việt	-	485.013.100
Các đối tượng khác	1.480.240.786	844.838.201
<b>Cộng</b>	<b>2.498.386.586</b>	<b>2.347.997.101</b>

**4. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.291.977.175</b>	-	<b>5.356.507.992</b>	-
Tạm ứng cho CBCNV	2.143.936.679	-	1.930.112.212	-
Phải thu theo biên bản bàn giao Cổ phần hóa	13.149.575	-	70.900.090	-
Phải thu BHXH	197.874.956	-	281.048.177	-
Phải thu BHTN	-	-	176.241.569	-
Phải thu tiền ký cược	1.315.991.285	-	1.288.340.520	-
Phải thu tiền thuế GTGT đầu vào của tài sản thuê tài chính	1.159.689.699	-	1.217.590.839	-
Phải thu khác	461.334.981	-	392.274.585	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.059.600.000</b>	-	<b>982.222.000</b>	-
Ký cược, ký quỹ về thuê tài chính	1.059.600.000	-	982.222.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.351.577.175</b>	-	<b>6.338.729.992</b>	-

**5. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;</b>				
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển Công nghệ thông tin Hậu Giang	241.859.020	-	241.859.020	-
Công ty CP Công Nghiệp nông thủy sản Phú Yên	164.511.967	-	164.511.967	-
Công ty TNHH Kinh doanh vật liệu xây dựng Phan Thanh	164.508.000	-	164.508.000	-
Công Ty TNHH Thiên Sơn	134.928.677	-	134.928.677	-
Công ty Thi công cơ giới Hồng Phát (TNHH)	69.894.000	-	69.894.000	-
Vũ Quốc Hưng	85.442.750	-	85.442.750	-
Các đối tượng khác	1.344.468.984	413.632.726	827.260.390	-
<b>Cộng</b>	<b>2.205.613.398</b>	<b>413.632.726</b>	<b>1.688.404.804</b>	-

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**6. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.952.346.465	-	14.600.616.647	-
Công cụ, dụng cụ	1.228.812.927	-	321.336.137	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.746.516	-	56.746.516	-
Thành phẩm	10.914.553.502	-	10.561.510.379	-
Hàng hóa	368.264.926	-	443.267.142	-
<b>Cộng</b>	<b>27.520.724.336</b>	<b>-</b>	<b>25.983.476.821</b>	<b>-</b>

**7. Tài sản dở dang dở dang dài hạn**

30/06/2017  
VND

01/01/2017  
VND

*Xây dựng cơ bản dở dang*

Thiết kế nhà Văn phòng Công ty	85.991.611	85.991.611
Chi phí mua sắm tài sản tại Xí nghiệp Biên Hòa	-	113.641.886
Chi phí lắp ống dẫn khí bệnh viện Từ Dũ	111.213.000	-
Sửa chữa nhà máy Trảng Kênh	65.590.000	74.780.000
Chi phí lắp ống dẫn khí bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	98.049.185	-
<b>Cộng</b>	<b>360.843.796</b>	<b>274.413.497</b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND  
Tổng cộng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư ngày 01/01/2017	707.751.835	20.514.250.500	1.350.194.027	22.572.196.362
Thuê tài chính trong kỳ	-	3.529.267.636	-	3.529.267.636
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	(772.730.909)	(772.730.909)
Số dư ngày 30/06/2017	707.751.835	24.043.518.136	577.463.118	25.328.733.089
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư ngày 01/01/2017	131.114.974	2.174.206.355	421.280.649	2.726.601.978
Khấu hao trong kỳ	30.841.800	288.853.908	91.578.600	411.274.308
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	(279.460.792)	(279.460.792)
Số dư ngày 30/06/2017	161.956.774	2.463.060.263	233.398.457	2.858.415.494
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2017	576.636.861	18.340.044.145	928.913.378	19.845.594.384
Tại ngày 30/06/2017	545.795.061	21.580.457.873	344.064.661	22.470.317.595

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

Địa chỉ: Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Phường 12 - Quận 4 - T.P Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2017		112.228.699.421	447.742.215.074	38.421.358.292	951.982.611	599.344.255.398
Mua trong kỳ		89.634.294	270.552.428	-	-	360.186.722
Mua lại TSCĐ thuê Tài chính		-	-	772.730.909	-	772.730.909
Số dư ngày 30/06/2017		112.318.333.715	448.012.767.502	39.194.089.201	951.982.611	600.477.173.029
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2017		41.449.451.511	184.314.630.450	22.942.510.062	790.554.390	249.497.146.413
Khấu hao trong kỳ		2.777.503.966	8.922.361.732	1.579.791.006	19.403.607	13.299.060.311
Tăng do khấu hao Tài sản cố định thuê Tài chính chuyển sang		-	-	279.460.792	-	279.460.792
Số dư ngày 30/06/2017		44.226.955.477	193.236.992.182	24.801.761.860	809.957.997	263.075.667.516
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2017		70.779.247.910	263.427.584.624	15.478.848.230	161.428.221	349.847.108.985
Tại ngày 30/06/2017		68.091.378.238	254.775.775.320	14.392.327.341	142.024.614	337.401.505.513

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 188.808.775.762 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND	
		Tổng cộng	
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	31.703.828.206	31.703.828.206	
Mua trong kỳ	-	-	
Số dư ngày 30/06/2017	31.703.828.206	31.703.828.206	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2017	6.161.081.567	6.161.081.567	
Khấu hao trong kỳ	349.637.718	349.637.718	
Số dư ngày 30/06/2017	6.510.719.285	6.510.719.285	
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2017	25.542.746.639	25.542.746.639	
Tại ngày 30/06/2017	25.193.108.921	25.193.108.921	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 15.393.804.425 đồng

**11. Chi phí trả trước**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.611.622.062	4.636.971.872
Chi phí sửa chữa lớn	296.094.334	592.188.667
Chi phí bảo hiểm	364.806.238	288.646.238
Lợi thế kinh doanh	113.329.235	226.658.471
<b>Cộng</b>	<b>4.385.851.869</b>	<b>5.744.465.248</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

Địa chỉ: Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Phường 12 - Quận 4 - T.P Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

12. Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2017		Trong kỳ		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	<b>105.409.959.946</b>	<b>105.409.959.946</b>	<b>71.509.077.114</b>	<b>77.317.800.392</b>	<b>111.218.683.224</b>	<b>111.218.683.224</b>	
a1) Vay ngắn hạn	82.965.019.483	82.965.019.483	71.346.711.762	56.859.869.814	68.478.177.535	68.478.177.535	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN HCM (1)	25.662.746.655	25.662.746.655	28.259.671.742	24.155.155.530	21.558.230.443	21.558.230.443	
Ngân hàng TMCP Á Châu (2)	25.350.604.698	25.350.604.698	25.350.604.698	18.254.910.532	18.254.910.532	18.254.910.532	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN HCM (3)	29.951.668.130	29.951.668.130	17.736.435.322	14.449.803.752	26.665.036.560	26.665.036.560	
Công đoàn Tập đoàn hóa chất Việt Nam (4)	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	
Vay dài hạn đến trả	19.301.713.802	19.301.713.802	-	19.317.185.802	38.618.899.604	38.618.899.604	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 1 HCM (5)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	24.000.000.000	24.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Á Châu (6)	4.805.213.004	4.805.213.004	-	4.805.220.000	9.610.433.004	9.610.433.004	
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (7)	996.500.798	996.500.798	-	1.011.965.802	2.008.466.600	2.008.466.600	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (8)	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến trả	3.143.226.661	3.143.226.661	162.365.352	1.140.744.776	4.121.606.085	4.121.606.085	
Công ty Cho thuê Tài chính Việt Nam (9)	177.014.597	177.014.597	-	240.209.042	417.223.639	417.223.639	
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN thành phố Hồ Chí Minh (10)	2.966.212.064	2.966.212.064	162.365.352	262.579.734	3.066.426.446	3.066.426.446	
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN HCM (11)	-	-	-	637.956.000	637.956.000	637.956.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỜI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

Địa chỉ: Số 1-3 Nguyễn Trường Tộ - Phường 12 - Quận 4 - T.P Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

	6 tháng đầu năm 2017		6 tháng đầu năm 2016		6 tháng đầu năm 2016	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuê
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>41.215.744.192</b>	<b>41.215.744.192</b>	<b>3.862.452.564</b>	<b>1.879.586.572</b>	<b>39.232.878.200</b>	<b>39.232.878.200</b>
b1) Vay dài hạn	34.037.095.214	34.037.095.214	-	-	34.037.095.214	34.037.095.214
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN I HCM (5)	8.868.321.884	8.868.321.884	-	-	8.868.321.884	8.868.321.884
Ngân hàng TMCP Á Châu (6)	10.646.831.918	10.646.831.918	-	-	10.646.831.918	10.646.831.918
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam (7)	3.360.665.727	3.360.665.727	-	-	3.360.665.727	3.360.665.727
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (8)	11.161.275.685	11.161.275.685	-	-	11.161.275.685	11.161.275.685
b2) Nợ thuế tài chính dài hạn	7.178.648.978	7.178.648.978	3.862.452.564	1.879.586.572	5.195.782.986	5.195.782.986
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu (9)	3.100.681.808	3.100.681.808	3.224.496.564	123.814.756	-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN thành phố Hồ Chí Minh (10)	2.499.584.170	2.499.584.170	-	1.436.793.816	3.936.377.986	3.936.377.986
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN HCM (11)	1.578.383.000	1.578.383.000	637.956.000	318.978.000	1.259.405.000	1.259.405.000
<b>Cộng</b>	<b>146.625.704.138</b>	<b>146.625.704.138</b>	<b>75.371.529.678</b>	<b>79.197.386.964</b>	<b>150.451.561.424</b>	<b>150.451.561.424</b>
<b>c) Các khoản nợ thuế tài chính</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>		<b>6 tháng đầu năm 2016</b>		<b>6 tháng đầu năm 2016</b>	
Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuê	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
2.310.357.967	430.771.395	1.879.586.572	794.422.974	5.062.808.854	4.268.385.880	4.268.385.880
<b>Cộng</b>	<b>430.771.395</b>	<b>1.879.586.572</b>	<b>794.422.974</b>	<b>5.062.808.854</b>	<b>4.268.385.880</b>	<b>4.268.385.880</b>

Từ 1 năm trở xuống  
Trên 1 năm đến 5 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

(1) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN HCM theo Hợp đồng tín dụng số 096/2016-HĐTĐHM/NHCT902-Sovigaz ngày 03/11/2016, hạn mức vay 70 tỷ đồng. Thời gian cho vay của từng khoản nợ được ghi trên Giấy nhận nợ không quá 9 tháng, lãi suất vay theo lãi suất từng thời kỳ.

(2) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Á Châu gồm hợp đồng cấp tín dụng số NVT.DN.01.250616 ngày 27/06/2016, hạn mức cho vay là 28 tỷ đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời gian vay 9 tháng. Tài sản đảm bảo là Thửa đất số 3262, tờ bản đồ số 3 tại lô C4, đường số 1, KCN Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An và Bất động sản tại 1-3 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP HCM.

(3) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN HCM theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0079/SME/16LD ngày 06/05/2016, hạn mức cho vay là 30 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến 31/05/2017; thời hạn cho vay mỗi khoản vay tối đa 09 tháng kể từ ngày giải ngân; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

(4) Vay ngắn hạn Công đoàn Tập đoàn Hóa chất Việt Nam với hạn mức vay theo hình thức tín chấp. Vay theo hợp đồng vay vốn số 656/HĐ-HKNQH ngày 28/5/2006, phụ lục gia hạn số HĐ-HKNQH ngày 26/5/2016 (số tiền 1.000.000.000 VND, lãi suất 6,0%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ 01/06/2016 đến 31/05/2017) và Vay theo hợp đồng vay vốn số 01/HĐ-HKNQH ngày 20/01/2013, phụ lục gia hạn số HĐ-HKNQH ngày 06/01/2016 (số tiền 1.000.000.000 VND, lãi suất 6,0%/năm, thời hạn vay 12 tháng từ 01/01/2016 đến 31/12/2016).

(5) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 126/2007/HĐTĐ-KH 1 ngày 26/10/2007 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh với số tiền vay là 160,9 tỷ đồng; mục đích đầu tư dự án sản xuất Oxy 3000 Nm<sup>3</sup>/h tại Bình Dương; thời hạn vay 84 tháng, lãi suất xác định trong từng món vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản thế chấp là Hệ thống sản xuất Oxy 3000 Nm<sup>3</sup>/h tại Bình Dương.

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.14.210213 ngày 14/03/2013 Ngân hàng Á Châu với số tiền vay là 20 tỷ đồng; mục đích đầu tư dự án sản xuất que hàn tại Long An; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất xác định trong từng món vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay và Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.127.160713 ngày 19/07/2013 Ngân hàng Á Châu với số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất xác định trong từng món vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Và Hợp đồng tín dụng số NVT.DN.372.250414 ngày 13/05/2014 Ngân hàng TM Cổ phần Á Châu với số tiền vay là 20 tỷ đồng; mục đích vay bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất xác định trong từng món vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là 02 lô đất thuộc quyền sở hữu của công ty. Và Hợp đồng cấp tín dụng số NVT.DN.01.28125 ngày 30/12/2015 với số tiền là 615.000.000 đồng. Mục đích vay mua xe tải ISUZU, thời gian vay 48 tháng, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông theo Hợp đồng tín dụng số 0112/2014/KUNN-DN ngày 04/08/2014 Ngân hàng TMCP Phương Đông với số tiền vay là 10,5 tỷ đồng; mục đích cho dự án xây mới Xí nghiệp hơi kỹ nghệ Nha Trang và mua xe tải; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất xác định trong từng món vay cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay.

(8) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0171/SME/16CD ngày 08/09/2016 với số tiền vay là 14.911275.685 đồng; mục đích là để cho vay hoàn chi phí đầu tư tài sản cố định, nhằm giải quyết tình trạng mất cân đối của Công ty, tái cấu trúc tài chính cho doanh nghiệp; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cố định 2 năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân theo công văn số 3790/VCB-KHDN ngày 31/3/2016, lãi suất từ năm thứ 3 kể từ ngày giải ngân đầu tiên là lãi suất huy động 24 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) 3,5%/năm nhưng không thấp hơn sản cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm đó. Tài sản thế chấp là Thiết bị dây chuyền sản xuất Oxy - Nitơ - Argon công suất 1500m<sup>3</sup>/h và hệ thống bồn chứa tại KCN Đồng An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0291/NHNT-SME/16 ký ngày 08/9/2016.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

(9) Hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu số 01.1116/HĐCTTC-HKNQH với số tiền thuê tài chính là 1.475.319.000 đồng, tài sản thuê là hệ thống bồn chứa lỏng 10 m<sup>3</sup> và bồn chứa CO<sub>2</sub> lỏng, thời gian đáo hạn muộn nhất là 20/02/2022. Hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu số 01.2017/HĐCTTC-HKNQH với số tiền thuê tài chính là 1.680.000.000 đồng, tài sản thuê là bồn chứa Oxy 30,4m<sup>3</sup>, thời hạn đáo hạn muộn nhất là 20/05/2022.

(10) Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCM Ngoại thương Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê tài chính với số tiền thuê tài chính là 3.800.000.000 VND, tài sản thuê là 02 bồn chứa và xe tải, thời gian đáo hạn muộn nhất là 20/12/2017; Hợp đồng thuê tài chính với số tiền thuê là 570.000.000 VND, tài sản thuê là Xe Isuzu NQR75M, thời gian thuê 48 tháng; và hợp đồng cho thuê tài chính số 73.16.15/CTTC ngày 17/8/2016 với số tiền thuê tài chính là 1.352.235.500 VND, tài sản thuê là hệ thống bồn chứa Oxy, Nitơ, Argon lỏng và bồn chứa CO<sub>2</sub>, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

(11) Hợp đồng cho thuê tài chính số 15/2015/CN.M-CTTC ngày 5/8/2015 với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV TMCP Công thương Việt Nam với số tiền thuê là 1,485 tỷ đồng, tài sản thuê là Bồn chứa lỏng - Model SCS 11000, thời gian thuê 48 tháng.

**13. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.431.141.517</b>	<b>7.431.141.517</b>	<b>6.434.830.291</b>	<b>6.434.830.291</b>
Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam - Chi nhánh VTGAS	104.406.060	104.406.060	101.948.880	101.948.880
Công ty CP Khoáng sản Bình Định	270.435.000	270.435.000	-	-
Các đối tượng phải trả người bán khác	7.056.300.457	7.056.300.457	6.332.881.411	6.332.881.411
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.727.120.670</b>	<b>3.727.120.670</b>	<b>3.727.120.670</b>	<b>3.727.120.670</b>
XN Lắp máy xây dựng Miền Nam	2.675.349.357	2.675.349.357	2.675.349.357	2.675.349.357
Công ty CP Hóa chất chi nhánh Tân Long	31.460.000	31.460.000	31.460.000	31.460.000
Các đối tượng khác	1.020.311.313	1.020.311.313	1.020.311.313	1.020.311.313
<b>Cộng</b>	<b>11.158.262.187</b>	<b>11.158.262.187</b>	<b>10.161.950.961</b>	<b>10.161.950.961</b>

**14. Người mua trả tiền trước**30/06/2017  
VND01/01/2017  
VND**Ngắn hạn**

Trung tâm Y tế thành phố Tây Ninh	11.754.600	-
Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	33.804.199	33.804.199
Viện Quân y 87 - Nha Trang	13.901.215	27.559.215
Các đối tượng khác	244.521.758	277.196.578
<b>Cộng</b>	<b>303.981.772</b>	<b>338.559.992</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	968.304.323	4.818.215.825	4.864.496.367	922.023.781
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	561.752.251	561.752.251	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	166.486.671	321.115.022	487.601.693	-
Thuế thu nhập cá nhân	280.673.270	229.770.761	414.606.640	95.837.391
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.054.043.919	438.422.800	125.081.200	1.367.385.519
Thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.469.508.183</b>	<b>6.378.276.659</b>	<b>6.462.538.151</b>	<b>2.385.246.691</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.578.000	-	63.487.942	65.065.942
Thuế khác	-	-	333.479.595	333.479.595
<b>Cộng</b>	<b>1.578.000</b>	<b>-</b>	<b>396.967.537</b>	<b>398.545.537</b>

**16. Chi phí phải trả**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND

**Ngắn hạn**

Trích trước chi phí lãi vay	-	417.094.351
Trích trước chi phí công trình Bệnh viện Việt Tiệp	776.355.800	776.355.800
Trích trước chi phí tiền ăn ca phải trả	-	14.002.500
Trích trước chi phí hoa hồng phải trả	610.831.036	151.901.370
Trích trước tiền thuê đất - Xí nghiệp Biên Hòa	110.689.823	-
Chi phí xe tải, xe cầu bôn phải trả	-	164.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.497.876.659</b>	<b>1.523.354.021</b>

**17. Phải trả khác**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND

**a) Ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn	2.350.863.565	2.380.240.797
Bảo hiểm xã hội	400.350.909	379.354.623
Bảo hiểm y tế	82.977.959	27.973.073
Bảo hiểm thất nghiệp	55.029.654	-
Dư có 1388	2.409.048	5.292.120
Phải trả Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	3.000.000	172.750.515
Các khoản phải trả khác	1.446.157.991	1.446.157.991
<b>b) Dài hạn</b>	<b>16.333.787.437</b>	<b>17.076.000.287</b>
Tiền nhận ký cược vỏ chai	360.938.004	348.712.475
<b>Cộng</b>	<b>18.684.651.002</b>	<b>19.456.241.084</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***18. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND	
		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>293.500.000.000</b>	<b>1.963.509.614</b>	<b>295.463.509.614</b>
Lãi trong kỳ trước	-	2.862.527.544	2.862.527.544
Phân phối các quỹ	-	(296.350.961)	(296.350.961)
Chi trả cổ tức	-	(1.467.500.000)	(1.467.500.000)
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>293.500.000.000</b>	<b>3.062.186.197</b>	<b>296.562.186.197</b>
Lãi trong kỳ này	-	1.284.460.089	1.284.460.089
Phân phối các quỹ	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	(1.761.000.000)	(1.761.000.000)
<b>Số dư tại 30/06/2017</b>	<b>293.500.000.000</b>	<b>2.585.646.286</b>	<b>296.085.646.286</b>
<b>b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu</b>		<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		288.098.000.000	288.098.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác		5.402.000.000	5.402.000.000
<b>Cộng</b>		<b>293.500.000.000</b>	<b>293.500.000.000</b>

**c) Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	293.500.000.000	293.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	293.500.000.000	293.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>1.761.000.000</b>	<b>1.467.500.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.350.000	29.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.350.000	29.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.350.000	29.350.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.350.000	29.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.350.000	29.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại và vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	121.901.035.535	122.139.882.433
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.803.813.588	12.703.238.960
<b>Cộng</b>	<b>129.704.849.123</b>	<b>134.843.121.393</b>
2. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	102.258.316.215	102.324.810.076
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.469.904.369	10.697.883.688
<b>Cộng</b>	<b>108.728.220.584</b>	<b>113.022.693.764</b>
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền ký quỹ	13.124.753	22.520.673
<b>Cộng</b>	<b>13.124.753</b>	<b>22.520.673</b>
4. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.481.872.372	7.622.838.734
<b>Cộng</b>	<b>6.481.872.372</b>	<b>7.622.838.734</b>
5. Thu nhập khác	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Thu nhập từ bán vật tư, bồi thường vỡ chai	37.867.219	32.775.394
Các khoản Thu nhập khác	12.915.000	15.056.259
<b>Cộng</b>	<b>50.782.219</b>	<b>47.831.653</b>
6. Chi phí khác	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Truy thu thuế, phạt vi phạm về thuế	-	85.124.891
Chi phí khác	4.300.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.300.000</b>	<b>85.124.891</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<b>7.769.428.640</b>	<b>6.047.690.591</b>
Chi phí nhân viên	103.125.321	93.644.686
Chi phí vật liệu, bao bì	2.523.276.628	1.738.490.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.935.965.810	1.598.148.619
Chi phí bằng tiền khác	3.207.060.881	2.617.407.041
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>5.145.955.453</b>	<b>6.669.885.794</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.842.723.180	1.850.662.401
Chi phí vật liệu quản lý	184.462.700	478.890.787
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.139.091	39.661.560
Chi phí khấu hao TSCĐ	721.000.000	695.000.000
Thuế, phí và lệ phí	317.341.600	154.000.000
Chi phí dự phòng	103.575.868	998.951.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.834.950	1.181.208.341
Chi phí bằng tiền khác	1.334.878.064	1.271.510.878
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	35.325.460.923	35.807.730.207
Chi phí nhân công	20.780.968.114	21.051.911.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.059.972.337	13.750.160.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.763.556.614	38.137.958.582
Chi phí khác bằng tiền	9.105.621.886	8.709.727.845
<b>Cộng</b>	<b>117.035.579.874</b>	<b>117.457.489.150</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND</b>	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND</b>
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:	129.735.352.160	134.913.473.719
<i>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	129.735.352.160	134.913.473.719
<i>Thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:	128.129.777.049	133.307.108.883
<i>Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	141.124.891
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	-	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.605.575.111	1.606.364.836
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	321.115.022	321.272.967
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>321.115.022</b>	<b>321.272.967</b>

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.284.460.089	1.143.966.978
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.284.460.089	1.143.966.978
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.350.000	29.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	43,76	38,98

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
<b>1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai</b>		
- Tăng Tài sản Cố định thuê tài chính thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	3.862.452.564	-
<b>2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	71.346.711.762	60.154.184.765
<b>3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	77.317.800.392	68.353.723.710
- Tiền trả nợ gốc vay theo hợp đồng thuê tài chính	1.717.221.220	1.969.407.382

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

**2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

Số dư với các bên liên quan	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	-	1.446.157.991

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

**Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
	VND	VND
Lương, thưởng Ban Giám đốc	283.860.000	300.561.213
<b>Cộng</b>	<b>283.860.000</b>	<b>300.561.213</b>

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số VI.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017 như sau:

<b>Công nợ tài chính</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Các khoản vay	146.625.704.138	150.451.561.424
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	6.505.639.750	7.053.908.066
Nợ thuần	140.120.064.388	143.397.653.358
Vốn chủ sở hữu	296.085.646.286	296.562.186.197
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	47%	48%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.505.639.750	7.053.908.066
Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.693.205.790	51.919.101.028
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.198.845.540</b>	<b>58.973.009.094</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	146.625.704.138	150.451.561.424
Phải trả người bán và phải trả khác	29.842.913.189	29.618.192.045
Chi phí phải trả	1.497.876.659	1.523.354.021
<b>Tổng cộng</b>	<b>177.966.493.986</b>	<b>181.593.107.490</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)*

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo)

<b>30/06/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	9.782.005.082	20.060.908.107	<b>29.842.913.189</b>
Chi phí phải trả	1.497.876.659	-	<b>1.497.876.659</b>
Các khoản vay	105.409.959.946	41.215.744.192	<b>146.625.704.138</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	8.815.071.088	20.803.120.957	<b>29.618.192.045</b>
Chi phí phải trả	1.523.354.021	-	<b>1.523.354.021</b>
Các khoản vay	111.218.683.224	39.232.878.200	<b>150.451.561.424</b>

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.505.639.750	-	<b>6.505.639.750</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.633.605.790	1.059.600.000	<b>55.693.205.790</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.053.908.066	-	<b>7.053.908.066</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.936.879.028	982.222.000	<b>51.919.101.028</b>


**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Hời kỹ nghệ que hàn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỜI KỸ NGHỆ QUE HÀN**

Người lập



Mai Thị Lý

Kế toán trưởng



Mai Tú Phương

Tổng Giám đốc



Trình Anh Phong